TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIỜ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Hồng Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Lộc

2. Bà Lê Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Bích Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Tổ 2, ấp X, xã Y, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Tổ 2, ấp X, xã Y, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2019, bản tự khai ngày 04 tháng 02 năm 2020 và các biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1982. Năm 2003, bà và ông C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình

Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2003 ngày 14/4/2003.

Trong thời gian sống chung với nhau hạnh phúc được 30 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm sống xảy ra hàng ngày trong gia đình, cụ thể kể từ năm 2012 ông C thường xuyên ăn chơi, không quan tâm đến gia đình khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông C vẫn không thay đổi. Nay bà nhận ra vợ chồng bà không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Có 04 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D (sinh ngày 15/7/1985), Nguyễn Trọng T (sinh ngày 16/6/1987), Nguyễn Thị Ngọc D (sinh ngày 15/4/1989), Nguyễn Tuấn T (sinh ngày 17/7/1991), tất cả các con chung của ông, bà đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông C không có ý kiến, đồng thời vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim A là chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960, có hộ khẩu thường trú tại ấp X, xã Y, huyện Cần Giờ, Thành

phố Hồ Chí Minh. Quan hệ tranh chấp này là tranh chấp ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì:

Bà Nguyễn Thị Kim A tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn C tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Xét thấy bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2003, ngày đăng ký 14 tháng 4 năm 2003. Như vậy hôn nhân giữa bà S và ông C được pháp luật công nhận.

Nguyên nhân bà S nộp đơn xin ly hôn với ông C là do ông C thường xuyên ăn chơi, ít khi có mặt ở nhà, bỏ mặc vợ con không quan tâm, phụ bà chăm lo cuộc sống gia đình, nuôi dạy các con. Cụ thể từ năm 2012 đến nay ông C vẫn không có thay đổi tích cực, mặc dù bà S đã nhiều lần khuyên ngăn, cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và tình cảm ngày càng lạnh nhạt không thể hàn gắn lại được. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Xét thấy: Khi đã là vợ chồng thì cả hai phải cùng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung lo cuộc sống nuôi dạy con cái. Nhưng ông C không quan tâm đến vợ con, không thể hiện trách nhiệm làm chồng, làm một người đàn ông gánh vác gia đình, chăm lo cho các con. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông để tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện thái độ bỏ mặc và không có thiện chí hay biện pháp gì nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc, cho nên chứng tỏ rằng mâu thuẫn chung của vợ chồng giữa bà S, ông C đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về quan hệ con chung: Bà S với ông C có 04 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D (sinh ngày 15/7/1985), Nguyễn Trọng T (sinh ngày 16/6/1987), Nguyễn Thị Ngọc D (sinh ngày 15/4/1989), Nguyễn Tuấn T (sinh ngày 17/7/1991), tất cả các con chung của ông, bà đều đã trưởng thành có đủ khả năng tự nuôi sống bản thân. Nay bà S không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà S là có căn cứ, lời đề nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận.

[4] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Do bà Nguyễn Thị Kim A là người nộp đơn xin ly hôn nên bà phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Bà S với ông C có 04 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D (sinh ngày 15/7/1985), Nguyễn Trọng T (sinh ngày 16/6/1987), Nguyễn Thị Ngọc D (sinh ngày 15/4/1989), Nguyễn Tuấn T (sinh ngày 17/7/1991), tất cả các con chung của ông, bà đều đã trưởng thành. Các đương sự không có yêu cầu gì về trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2011/06736 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Bà Nguyễn Thị Kim A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Hồng Khanh